

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17/9/2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đặng Văn Đê**

2. Bà **Hoàng Thị Tuyết**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa:
Ông **Nguyễn Văn Sanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 439/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Khắc H**, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Nguyễn Khắc X**, sinh năm 1982; đường H, phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

+ Ông **Nguyễn Khắc V**, sinh năm 1958, địa chỉ: đường K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

+ Ông **Nguyễn Khắc Tr**, sinh năm 1965; địa chỉ: đường Đ, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

+ Ông **Nguyễn Khắc S**, sinh năm 1970; địa chỉ: đường B, phường N, thành phố

V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Khắc B, sinh năm 1973; địa chỉ: đường L, phường 4, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966; địa chỉ: đường H, phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp V, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1970; địa chỉ: ấp N, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1972; địa chỉ: khu phố 4, phường 8, thành phố V, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Khắc H sống chung với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND phường 4, TP. Vũng Tàu. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó bắt đầu mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do ông H lấy tiền lương nhưng thỉnh thoảng mới đưa cho bà T được vài trăm ngàn; ông H có tính gia trưởng, thích làm gì thì làm không bàn bạc với bà T; vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông H xem thường bà T nên vợ chồng đã ly thân và bà T đã dọn ra ngoài để sinh sống. Nay bà T không còn tình cảm gì với ông H nên yêu cầu được ly hôn với ông H. Trường hợp ông H muốn bà T đoàn tụ thì phải đưa tiền lương cho bà T, làm việc gì thì phải bàn bạc với nhau.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Phú H, sinh ngày 27/6/2006, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về chia tài sản: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T không thừa nhận những khoản nợ mà ông H nêu ra. Đối với khoản nợ của Nguyễn Khắc X, ông H tự khai ra nhưng vì hiện nay Nguyễn Khắc X đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng nên bà T đồng ý cùng ông H mỗi người trả 100.000.000 đồng tiền gốc, còn vấn đề tiền lãi suất thì bà T không chịu trách nhiệm vì đây không phải nợ chung của vợ chồng.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn ông Nguyễn Khắc H trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Khắc H và bà Nguyễn Thị T sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn như bà T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình là do vợ chồng không hiểu nhau, bà T tự dọn đồ ra ở riêng, nếu muốn quay

về thì phải xin lỗi ông H. Ông H cho rằng ông không có lỗi nên bà T tự đi thì tự về và phải xin lỗi ông H. Nếu không thì ông sẽ đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Phú H, sinh ngày 27/6/2006. Kể từ khi vợ chồng ly thân cháu H do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, cho cháu H có nguyện vọng ở với bà T nên ông H đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về chia tài sản chung: Ông Nguyễn Khắc H yêu cầu chia đôi tài sản chung gồm: Chiếc xe máy Air Blade biển kiểm soát 72D1-14266; căn nhà cấp 4, các công trình trên đất gồm: Sân gạch Tzero; sân gạch tàu; hàng rào móng đá chẻ, trụ xây gạch, trên gắn song sắt; hàng lưới B40, móng đá học, trụ bê tông; hàng rào lưới B40, trụ bê tông, không móng; diện tích đất 1.313,7m² (trong đó có 300m² đất ở) thuộc thửa số 7, tờ bản đồ số 3 tại xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Đối với chiếc xe máy Air Blade hiện bà T đang sử dụng thì phân chia cho bà T tiếp tục sử dụng; còn các công trình, nhà cấp 4 và thửa đất thì yêu cầu chia đôi, ông H yêu cầu được chia phần đất có căn nhà, hai bên sẽ thanh toán giá trị chênh lệch cho nhau.

Về nợ chung: Ông H khai vợ chồng có nợ của một số người như sau: Nợ ông Nguyễn Khắc H số tiền 200.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Khắc V số tiền 50.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Khắc Tr số tiền 50.000.000 đồng, nợ ông Nguyễn Khắc S số tiền 20.000.000 đồng, nợ ông Nguyễn Khắc B số tiền 10.000.000 đồng, nợ ông Nguyễn Văn T số tiền 15.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Văn Đ số tiền 15.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Quốc K số tiền 20.000.000 đồng; nợ ông Nguyễn Văn N số tiền 30.000.000 đồng. Ông H yêu cầu bà T và ông H mỗi người phải trả một nửa số tiền này vì đây là nợ chung của vợ chồng.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc X trình bày:

Vào tháng 01/2011, vợ chồng ông Nguyễn Khắc H, bà Nguyễn Thị T có vay của ông số tiền 200.000.000 đồng, ông H là người vay, vì là cha con với nhau nên khi vay không lập giấy tờ gì, để làm tin ông H đưa cho ông X 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 836520 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 12/11/2010. Nay ông X yêu cầu ông H, bà T phải trả cho ông số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi suất mỗi tháng 2.000.000 đồng tính từ tháng 01/2012 đến tháng 6/2018 là 154.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc V trình bày:

Vào tháng 10/2010, trong một chuyến đi công tác tại Vũng Tàu ông H có mượn của ông số tiền 50.000.000 đồng, ông H là người trực tiếp nhận tiền, vì là chỗ anh em ruột với nhau nên không lập giấy tờ gì, hẹn khi nào có thì trả, không tính lãi suất. Nay vợ chồng ly hôn ông V yêu cầu ông H phải trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc Tr trình bày:

Vào năm 2011, ông H có mượn của ông số tiền 50.000.000 đồng, vì là chỗ anh em ruột với nhau nên không lập giấy tờ gì, hẹn khi nào có thì trả, không tính lãi suất, ông H là người trực tiếp nhận tiền. Nay vợ chồng ly hôn ông Tr yêu cầu ông H phải trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc S trình bày:

Vào đầu năm 2010 ông H có vay của ông số tiền 20.000.000 đồng, không lập giấy tờ gì, hẹn khi nào có thì trả, không tính lãi suất, ông H là người trực tiếp vay tiền. Nay vợ chồng ly hôn nên ông S yêu cầu ông H, bà T phải trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc B trình bày:

Vào năm 2007, ông H có mượn của ông số tiền 50.000.000 đồng, ông H là người trực tiếp nhận tiền, vì là chỗ anh em với nhau nên không lập giấy tờ gì, hẹn khi nào có thì trả, không tính lãi suất. Ông H đã trả nợ được 40.000.000 đồng, còn lại 10.000.000 đồng chưa trả. Nay vợ chồng ly hôn ông B yêu cầu ông H, bà T phải trả cho ông số tiền 10.000.000 đồng.

Theo bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:

Vào năm 2010, ông H có vay của ông số tiền 15.000.000 đồng, vì là chỗ quen biết nên không lập giấy tờ gì, hẹn khi nào có thì trả, không tính lãi suất, khi vay chỉ có ông H vay tiền. Tuy nhiên trong vụ án này ông không có yêu cầu gì.

Theo bản tự khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Vào tháng 7/2011, ông H có vay của ông số tiền 15.000.000 đồng, vì là chỗ quen biết nên không lập giấy tờ gì, hẹn khi nào có thì trả, không tính lãi suất, khi vay chỉ có ông H vay tiền. Tuy nhiên trong vụ án này ông không có yêu cầu gì.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc K trình bày:

Vào tháng 10/2010, ông H có vay của ông số tiền 20.000.000 đồng, vì là chỗ quen biết nên không lập giấy tờ gì, hẹn khi nào có thì trả, không tính lãi suất, khi vay chỉ có ông H vay tiền. Nay vợ chồng ly hôn nên ông K yêu cầu ông H, bà T phải trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày:

Vào năm 2010 ông H có mượn của ông số tiền 30.000.000 đồng, vì là chỗ quen biết nên không lập giấy tờ gì, hẹn khi nào có thì trả, không tính lãi suất, khi vay chỉ có ông H vay tiền. Nay vợ chồng ly hôn nên ông N yêu cầu ông H, bà T phải trả cho ông số tiền 30.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cung cấp các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản chính); giấy khai sinh của con chung (bản sao); giấy chứng nhận đăng ký xe máy (bản photo); bị đơn ông Nguyễn Khắc H nộp: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản sao y); còn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp chứng cứ gì.

Tòa án thu thập chứng cứ: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 24/9/2010 (bản photo có đóng dấu treo của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thụ lý đúng theo thẩm quyền, Thẩm phán đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông H; giao con chung Nguyễn Phú H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng; về tài sản ông H tranh chấp được xác định là tài sản chung của vợ chồng cần phân chia; về nợ ông H không chứng cứ chứng minh là nợ chung nên tự ông H phải có trách nhiệm trả những khoản tiền này, đối với khoản nợ của Nguyễn Khắc X, bà T tự nguyện hỗ trợ ông H để trả nợ cho ông X 100.000.000 đồng nên cần ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

+ Về tố tụng: Tại phiên tòa ông Nguyễn Khắc X, ông Nguyễn Khắc V, ông Nguyễn Khắc Tr, ông Nguyễn Khắc S, ông Nguyễn Khắc B, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Văn N đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con; bị đơn ông Nguyễn Khắc H giữ nguyên yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, giấy chứng nhận kết hôn số 59 quyển 01/2009 ngày 13/4/2009 của UBND phường 4, thành phố

Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp cho bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Khắc H có đủ cơ sở khẳng định bà T và ông H sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn gia đình do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hiểu ý nhau nên thường xuyên cãi nhau. Hiện nay bà T đã dọn ra khỏi nhà, vợ chồng đã ly thân nhau, không ai còn quan tâm ai. Tại phiên tòa bà T và ông H không ai chịu xin lỗi ai nên bà T giữ nguyên yêu cầu ly hôn, ông H đồng ý ly hôn. Do vậy, cần ghi nhận thuận tình ly hôn giữa bà T và ông H.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Phú H, sinh ngày 27/6/2006. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, xét thấy: Theo biên bản lấy lời khai ngày 08/01/2018 con chung Nguyễn Phú H có nguyện vọng được ở với bà T; ông H đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này. Bà T yêu cầu ông H cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng, ông H chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng, xét thấy: Việc bà T yêu cầu cấp dưỡng là có căn cứ được quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào lời khai của chính bản thân ông H thì hiện nay ông có mức thu nhập đó là lương hưu mỗi tháng 10.400.000 đồng, bà T yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng so với mức thu nhập của ông H là còn thấp, ông H hiện nay không phải nuôi ai ngoài bản thân mình, với số tiền còn lại 8.400.000 đồng đủ dư để ông H trang trải sinh hoạt hàng tháng. Do vậy cần buộc ông H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là có căn cứ, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, số tiền cấp dưỡng được giao cho bà T để nuôi con.

[3] Về chia tài sản chung: Ông Nguyễn Khắc H tranh chấp yêu cầu chia đôi tài sản chung diện tích đất 1.313,7m²(trong đó có 300m² đất ở), thuộc thửa 07, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và căn nhà cấp 4 (nhà 1 tầng) cùng các công trình trên đất gồm: Sân gạch Tzero; sân gạch tàu; hàng rào móng đá chẻ, trụ xây gạch, trên gắn song sắt; hàng lưới B40, móng đá học, trụ bê tông; hàng rào lưới B40, trụ bê tông, không móng; chiếc xe máy Air Blade biển kiểm soát 72D1-14266. Quá trình làm việc và tại phiên tòa bà T, ông H đều thừa nhận đây là những tài sản chung của vợ chồng chưa phân chia. Do đó, xác định đây là những tài sản chung của vợ chồng cần được phân chia.

3.1 Về đất tranh chấp 1.313,7m² là diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo số 836520 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là UBND thành Phố Bà Rịa) cấp ngày 12/11/2010. Tuy nhiên theo sự chỉ ranh của bà T và ông H thì diện đo đạc thực tế chỉ có 1.215,3 m² (trong đó có 300m² đất ở). Ông H, bà T đồng ý lấy diện tích đất 1.215,3 m² để phân chia, do vậy lấy diện tích đo đạc thực tế này để giải quyết tranh chấp phân chia tài sản. Tại phiên tòa ông H yêu cầu được phân chia căn nhà cấp 4, cùng các công trình trên đất và phần đất có căn nhà này; còn bà T có ý kiến ai nhận nhà thì phải nhận đất ít hơn, xét thấy: ông Nguyễn Khắc H hiện đã 62 tuổi, bản thân chỉ có một mình đã nghỉ hưu, nay chỉ dựa vào lương hưu để sinh sống, hiện nay ông H là người đang sinh sống trong

căn nhà này, còn bà T đã dọn ra bên ngoài để ở riêng. Do vậy, cần phân chia căn nhà cấp 4 (nhà 1 tầng) cùng các công trình trên đất và phần đất có căn nhà cấp 4 này cho ông H sử dụng là phù hợp, diện tích đất được phân chia sẽ ít hơn diện tích đất mà bà T được phân chia. Ông H phải thanh toán giá trị chênh lệch của căn nhà cấp 4 và các công trình trên đất cho bà T. Phần đất còn lại phân chia cho bà T sử dụng, trên đất còn có một số cây trồng, nọc tiêu nhưng do các đương sự không tranh chấp và có ý kiến ai được chia phần đất này thì được quyền sở hữu những tài sản trên đất, do vậy bà T được sở hữu những tài sản có trên đất mà mình được phân chia. Căn cứ theo sơ đồ vị trí đất ngày 18/7/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì diện tích đất ông H được phân chia là 590,8m² (trong đó có 150m² đất ở), vị trí đất theo các điểm 3, 4, 5, 6; còn bà T được phân chia diện tích 624,5 m² (trong đó có 150m² đất ở), vị trí đất theo các điểm 1, 2, 3, 6. Căn cứ vào kết quả định giá tài sản ngày 11/7/2018 thì giá trị đất theo giá thị trường đối với đất nông nghiệp là 600.000 đồng/m², đất ở là 1.600.000 đồng/m²; căn nhà cấp 4 có giá trị 232.106.000 đồng; sân gạch Tzero có giá trị 8.767.000 đồng; sân gạch tàu có giá trị 4.838.000 đồng; hàng rào móng đá chẻ, trụ xây gạch, trên gắn song sắt có giá trị 7.385.000 đồng; hàng lưới B40, móng đá học, trụ bê tông có giá trị 14.111.000 đồng; hàng rào lưới B40, trụ bê tông, không móng có giá trị 12.614.000 đồng.

3.2 Đối với chiếc xe máy Air Balde, xét thấy: Chiếc xe máy Air Blade này hiện nay bà T là người đang sử dụng làm phương tiện đi lại và cũng là người đứng tên giấy đăng ký. Do vậy cần giao chiếc xe máy này cho bà T sử dụng là phù hợp, bà T có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch của chiếc xe này cho ông H. Bà T và ông H không yêu cầu định giá chiếc xe máy này mà thống nhất chiếc xe có giá là 15.000.000 đồng nên cần lấy giá trị này để giải quyết là có căn cứ mà không cần phải định giá.

3.3 Như vậy, tài sản giao cho bà Nguyễn Thị T có giá trị 539.700.000 đồng; tài sản giao cho ông H có giá trị 784.301.000 đồng chênh lệch so với bà T là 244.601.000 đồng, bà T được phân chia ½ số tiền này. Do vậy, ông Nguyễn Khắc H có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch cho bà Nguyễn Thị T với số tiền là 122.300.500 đồng.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Khắc H yêu cầu bà Nguyễn Thị T cùng có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Khắc X, ông Nguyễn Khắc V, ông Nguyễn Khắc Tr, ông Nguyễn Khắc S, ông Nguyễn Khắc B, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Văn N, xét thấy:

4.1 Đối với số nợ của ông Nguyễn Khắc X:

+ Về yêu cầu của ông Nguyễn Khắc H xác định nợ chung: Ông Nguyễn Khắc H cho rằng vợ chồng ông có nợ của ông Nguyễn Khắc X (con riêng ông H) số tiền 200.000.000 đồng, khi vay có giao một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 836520 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là UBND thành Phố Bà Rịa) cấp ngày 12/11/2010 cho Nguyễn Khắc X để làm tin chứ không lập giấy tờ gì, ông H yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ cùng trả nợ số tiền này, xét thấy: Bà Nguyễn Thị T

không thừa nhận số nợ này, ông H là người trực tiếp vay, khi vay không báo cho bà T biết. Tại phiên tòa ông H thừa nhận bà T có hỏi nợ những ai nhưng ông H nói đó là việc riêng của ông, ông không có nghĩa vụ phải khai ra, ông chỉ có trách nhiệm khai với Tòa án. Như vậy, việc ông H vay tiền, vay mục đích làm gì bà T không biết. Ông H cho rằng việc vay tiền về để xây và sửa chữa nhà nhưng bà T không thừa nhận, ông H cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Mặt khác ông Nguyễn Khắc X cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh bà T có vay tiền của ông. Do vậy, ông H yêu cầu xác định nợ chung của vợ chồng là không có căn cứ. Bản thân ông H thừa nhận có vay 200.000.000 đồng của ông X thì ông H là người có trách nhiệm phải trả số tiền này cho ông X. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T tự nguyện hỗ trợ ông H mỗi người trả cho Nguyễn Khắc X 100.000.000 đồng tiền gốc, còn tiền lãi bà T không chịu trách nhiệm vì không phải nợ chung.

+ Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc X: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Khắc X có làm đơn khởi kiện yêu cầu độc lập, yêu cầu bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Khắc H phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi suất là 154.000.000 đồng. Ông H thừa nhận khi vay tiền cha ruột là Nguyễn Khắc H có giao cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 836520 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là UBND thành Phố Bà Rịa) cấp ngày 12/11/2010 cho ông để làm tin chứ không lập giấy tờ thế chấp gì, hiện nay ông là người đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Ngày 17/6/2018 Tòa án đã tiến hành giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 409/TB-TA ngày 13/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa cho ông X nhưng cho đến nay ông X vẫn không đóng tiền tạm ứng án phí theo thông báo. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của ông X không được xem xét, số tiền bà T tự nguyện hỗ trợ ông H để trả cho ông X 100.000.000 đồng cũng không được ghi nhận trong vụ án này.

+ Về quyền khởi kiện: Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 836520 do UBND thị xã Bà Rịa (nay là UBND thành Phố Bà Rịa) cấp ngày 12/11/2010 hiện nay ông X đang quản lý nhưng bà T, ông H không có yêu cầu gì nên không xem xét. Trường hợp ông X có yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ, ông H và bà T có yêu cầu đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4.2 Ông Nguyễn Khắc V, ông Nguyễn Khắc Tr có làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Khắc H phải trả cho mỗi người số tiền là 50.000.000 đồng, xét thấy: Ông Nguyễn Khắc H là người khai ra số nợ này và thừa nhận có nợ của ông V số tiền là 50.000.000 đồng, nợ của ông Tr số tiền là 50.000.000 đồng, ông H cho rằng đây là nợ chung nhưng bà T không thừa nhận. Khi vay không lập giấy tờ gì, chỉ mình ông H vay, ông H không báo cho bà T biết về việc mượn tiền và không giao một khoản tiền nào cho bà T. Ông H cho rằng mượn tiền là để xây và sửa chữa nhà nhưng bà T không thừa nhận, ông H cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời khai này. Mặt khác ông V, ông Tr cũng không có chứng cứ gì chứng minh là bà T có vay tiền, theo đơn khởi kiện thì các ông cũng chỉ khởi kiện mình ông H phải có trách nhiệm trả tiền. Do vậy, không có căn cứ xác định

đây là nợ chung của vợ chồng mà đây là nợ riêng của ông H. Yêu cầu khởi kiện của ông V, ông Tr là có căn cứ cần chấp nhận, buộc ông H phải có nghĩa vụ trả số tiền này cho ông Nguyễn Khắc V, ông Nguyễn Khắc Tr. Do ông V, ông Tráng không yêu cầu tính tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.3 Ông Nguyễn Khắc S khởi kiện yêu cầu bà T, ông H phải trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng; ông Nguyễn Khắc B khởi kiện yêu cầu ông H, bà T phải trả cho ông số tiền là 10.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu ông H, bà T phải trả cho ông số tiền 30.000.000 đồng, xét thấy: Ông Nguyễn Khắc H là người khai ra có nợ và thừa nhận nợ toàn bộ số tiền này, ông H cho rằng đây là nợ chung nhưng bà T không thừa nhận. Khi vay tiền không lập giấy tờ gì, chỉ mình ông H vay, ông H không báo cho bà T biết và không giao một khoản tiền nào cho cho bà T. Ông H cho rằng việc vay tiền là để xây và sửa chữa nhà nhưng bà T không thừa nhận, ông H cũng không có chứng cứ gì chứng minh nên không có căn cứ xác định đây là nợ chung của vợ chồng mà đây là nợ riêng của ông H. Người khởi kiện là ông S, ông B, ông N không có chứng cứ gì chứng minh bà T có vay tiền nên việc khởi kiện bà T phải trả tiền là không có căn cứ. Ông Nguyễn Khắc H là người thừa nhận có vay số tiền này nên ông H phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền này ông S, ông B, ông N. Do ông S, ông B, ông N không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.4 Đối với ông Nguyễn Quốc K có làm đơn khởi kiện yêu cầu ông H, bà T phải trả cho ông số tiền là 20.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn Đ cho rằng ông H có vay của ông số tiền 15.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn T cho rằng ông H có vay của ông số tiền 15.000.000 đồng, xét thấy: Khi vay tiền không lập giấy tờ gì, ông H là người trực tiếp vay mà không báo cho bà T biết, không giao một khoản tiền nào cho bà T. Ông H cho rằng việc vay tiền là để xây và sửa chữa nhà nhưng bà T không thừa nhận, ông H cũng không có chứng cứ gì chứng minh nên không có căn cứ xác định đây là nợ chung của vợ chồng mà đây là nợ riêng của ông H. Đối với ông Nguyễn Quốc K, ngày 13/6/2018 Tòa án đã giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 408/TB-TA ngày 13/6/2018 cho ông K nhưng cho đến nay ông K vẫn không nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo nên yêu cầu khởi kiện của ông K không được xem xét. Còn ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp ông K, ông Đ, ông T có yêu cầu về số nợ này thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về chi phí do vẽ; xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản; sao lục hồ sơ: Chi phí hết số tiền 10.000.000 đồng, ông H và bà T mỗi người phải chịu ½ chi phí này. Toàn bộ số tiền này ông Nguyễn Khắc H đã nộp tạm ứng đủ. Do vậy, cần buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho ông Nguyễn Khắc H số tiền 5.000.000 đồng.

[6] Về án phí:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo giá trị tài sản mà mình được phân chia.

Bị đơn ông Nguyễn Khắc H phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con và nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo giá trị tài sản mà mình được phân chia. Tuy nhiên ông H có đơn xin được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí; căn cứ theo giấy chứng minh nhân dân thì ông Nguyễn Khắc H sinh năm 1956 hiện nay đã hơn 60 tuổi; căn cứ vào Luật người cao tuổi thì ông H thuộc trường hợp người cao tuổi. Đối chiếu vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Pháp lệnh số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí thì người cao tuổi không phải nộp tiền tạm ứng án phí và án phí. Do vậy ông Nguyễn Khắc H được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí và án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; 157, 165, 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 56, 59, 45, 60, 62, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Khắc H. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc H về việc phân chia tài sản chung và nợ chung.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Khắc H thuận tình ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Phú H, sinh ngày 27/6/2006. Ghi nhận sự thỏa thuận của ông H và bà T về nuôi con chung như sau: Giao con chung Nguyễn Phú H, sinh ngày 27/6/2006 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Khắc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con chung cháu Nguyễn Phú H đủ 18 tuổi, số tiền cấp dưỡng được giao cho bà Nguyễn Thị T để nuôi con chung, thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, bà T và ông H đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom

để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung:

+ Giao cho bà Nguyễn Thị Tn được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản được phân chia từ tài sản chung sau đây:

- Diện tích đất 624,5 m² (trong đó có 150m²) thuộc thửa số 07, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Vị trí đất thuộc các điểm 1, 2, 3, 6 theo sơ đồ vị trí đất lập ngày 18/7/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (có sơ đồ kèm theo).

- 01 chiếc xe Air Blade biển số 72D1 -142.66, người đứng tên bà Nguyễn Thị Thuận.

Tổng giá trị tài sản 539.700.000 đồng (năm trăm ba mươi chín triệu bảy trăm ngàn đồng).

+ Giao cho ông Nguyễn Khắc H được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản được phân chia từ tài sản chung sau đây:

- Diện tích đất 590,8 m² (trong đó có 150m²) thuộc thửa số 07, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại xã Hòa Long, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu. Vị trí đất thuộc các điểm 3, 4, 5, 6 theo sơ đồ vị trí đất lập ngày 18/7/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (có sơ đồ kèm theo).

- Các công trình, vật kiến trúc trên đất gồm: Căn nhà cấp 4 (nhà 1 tầng) diện tích 148,5m²; sân gạch Tzero diện tích 59,4 m²; sân gạch tàu 38,4m²; hàng rào móng đá chẻ, trụ xây gạch, trên gắn song sắt cao 2,2m dài 16,5m; hàng rào lưới B40, móng đá học, trụ bê tông cao 2m, dài 57,5m; hàng rào lưới B40, trụ bê tông, không móng cao 2m, dài 72m.

Tổng giá trị tài sản 784.301.000 đồng (Bảy trăm tám mươi bốn triệu ba trăm lẻ một ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Khắc H có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký, tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Ông Nguyễn Khắc H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền chênh lệch là 122.300.500 đồng (một trăm hai mươi hai triệu ba trăm ngàn năm trăm đồng).

5. Về nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc Tr, ông Nguyễn Khắc V, ông Nguyễn Khắc S, ông Nguyễn Khắc B, ông Nguyễn Văn N.

Không chấp nhận yêu cầu của ông H về việc yêu cầu xác định nợ chung của vợ chồng.

+ Buộc ông Nguyễn Khắc H có nghĩa vụ phải: trả nợ cho ông Nguyễn Khắc Tr số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), trả nợ cho ông Nguyễn Khắc V số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); trả cho ông Nguyễn Khắc S số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); trả cho ông Nguyễn Khắc B số tiền 10.000.000 đồng; trả cho ông Nguyễn Văn N số tiền 30.000.000 đồng.

+ Đối với các khoản nợ của ông Nguyễn Khắc X, ông Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Đ sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác nếu có yêu cầu.

6. Về chi phí đo vẽ; xem xét, thẩm định tại chỗ; định giá tài sản; sao lục hồ sơ: Chi phí hết số tiền 10.000.000 đồng, số tiền này ông Nguyễn Khắc H đã nộp tạm ứng đủ. Do vậy, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Khắc H số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

8. Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007538 ngày 28/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, bà Thuận đã nộp đủ.

+ Bà Nguyễn Thị T phải nộp 30.480.020 đồng (ba mươi triệu bốn trăm tám mươi ngàn không trăm hai mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Khắc H được miễn nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con và miễn nộp 30.480.020 đồng (ba mươi triệu bốn trăm tám mươi ngàn không trăm hai mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho: Ông Nguyễn Khắc Tr số tiền 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002727 ngày 11/6/2018; ông Nguyễn Khắc V số tiền 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002751 ngày 18/6/2018; ông Nguyễn Khắc S số 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002165 ngày 26/4/2018; ông Nguyễn Khắc B số tiền 250.000 đồng (hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002166 ngày 26/4/2018; ông Nguyễn Văn N số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002767 ngày 20/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

8. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND TP. Bà Rịa;
- CCTHADS TP. Bà Rịa;
- UBND phường 4, TP. Vũng Tàu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Cường